

Bản án số: 231/2025/LĐ-ST
Ngày: 28-5-2025
V/v tranh chấp về yêu cầu tuyên
bố hợp đồng lao động vô hiệu

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tố Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công - Nguyên Phó Chủ tịch phường Lái Thiêu, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Nguyễn Lê Văn – Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động thành phố Thuận An.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Phạm Thanh Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 451/2024/TLST-LĐ ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2025/QĐXXST-LĐ ngày 28 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh năm 1991; thường trú: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn:* Công ty trách nhiệm hữu hạn S; địa chỉ: Số B T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

Người đại diện theo pháp luật: HA HAN SU, Tổng giám đốc. Vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bảo hiểm xã hội thành phố T; tỉnh Bình Dương; trụ sở: Khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương - người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Minh H1 - Giám đốc. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt;

2/ Bà Trần Thị H2, sinh năm 1995; thường trú: Ấp K, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; địa chỉ liên lạc: 320 đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/11/2024, lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Trần Thị H trình bày:

Vào tháng 4/2010 đến tháng 9/2010, bà Trần Thị H làm việc tại Công ty TNHH K, địa chỉ: Khu công nghiệp V, thành phố T, tỉnh Bình Dương và có tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7409335727. Do có nhu cầu cá nhân, bà Trần Thị H liên hệ Bảo hiểm xã hội nộp hồ sơ xin rút sổ Bảo hiểm xã hội thì Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm xã hội của nguyên đơn bị trùng lặp thời gian đóng bảo hiểm xã hội. Lý do bị trùng là do: Khoảng thời gian tháng 4/2010 đến tháng 9/2010, bà H cho bà Trần Thị H2 mượn giấy chứng minh nhân dân của mình để đi làm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S, địa chỉ: Số B T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và Công ty có tham gia bảo hiểm cho bà H tại sổ bảo hiểm số 7410127906 từ tháng 4/2010 đến tháng 10/2010. Do đó, bà H bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010. Nay bà H nhận thấy việc bà H2 mượn giấy chứng minh nhân dân và thông tin của bà để giao kết hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn S và tham gia bảo hiểm xã hội lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực”, gian dối khi giao kết hợp đồng lao động. Bà Trần Thị H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động Trần Thị H (do bà Trần Thị H2 mượn tên) với Công ty trách nhiệm hữu hạn S, thời gian làm việc từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010 là vô hiệu. Bà H không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

- Bị đơn Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn vẫn không đến làm việc cũng như không ủy quyền cho ai đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không có văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại văn bản ngày 07/3/2025, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu, Trần Thị H, sinh ngày 01/01/1991 có chứng minh nhân dân số 365890466, số căn cước công dân 094191005910 tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp (BHTNLD-BNN) với các mã số bảo hiểm xã hội sau:

Mã số Bảo hiểm xã hội 7410127906 từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S, đã chốt sổ, bà H chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần và bảo hiểm thất nghiệp.

Mã số Bảo hiểm xã hội 7409335727 từ tháng 12/2009 đến tháng 9/2010 tại Công ty TNHH K1, bà H chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần và bảo hiểm thất nghiệp.

Ngoài ra, bà H còn mã số bảo hiểm xã hội số 7411124133 tại Công ty cổ phần L, mã số 7413089025 tại Công ty TNHH A, mã số 7910334994 tại Công ty TNHH P và mã số 9422378706 tại công ty cổ phần C.

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của người lao động thì cơ quan Bảo hiểm xã hội không lưu trữ. Về các yêu cầu khác của nguyên đơn, bảo hiểm xã hội thành phố T không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai ngày 14/02/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị H2 trình bày:

Do có nhu cầu đi làm nhưng chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động bà H3 đã mượn giấy chứng minh nhân dân của bà Trần Thị H để đi làm và giao kết hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn S, địa chỉ: Số B T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà H2 làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010. Nay bà Trần Thị H yêu cầu Tòa án tuyên hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị H và Công ty trách nhiệm hữu hạn S thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010 vô hiệu thì bà đồng ý, bà không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt là tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng và phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên qua có yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn S, địa chỉ: Số B T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Căn cứ khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 và khoản 3 Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2019 xác định quan hệ pháp luật “tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An.

[1.3] Nguyên đơn trình bày hợp đồng lao động giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn S; địa chỉ: Số B T, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và người lao động tên Trần Thị H đã chấm dứt từ năm 2010. Căn cứ khoản 3 Điều 190 Bộ luật lao động 2019 quy định “*Thời hiệu yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp lao động cá nhân là 01 năm kể từ ngày phát hiện ra hành vi mà bên tranh chấp cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị vi phạm*”. Tuy nhiên, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có yêu cầu xác định thời hiệu để giải quyết vụ án. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành thụ lý, giải quyết yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

[2] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời thừa nhận của các đương sự có căn cứ để xác định: Người lao động tên Trần Thị H, sinh ngày 01/01/1991 có chứng minh nhân dân số 365890466, số căn cước công dân 094191005910, quá trình tham gia bảo hiểm xã hội có các mã số bảo hiểm xã hội như sau:

Mã số Bảo hiểm xã hội 7410127906 từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010 tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S, đã chốt sổ, bà H chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần và bảo hiểm thất nghiệp.

Mã số Bảo hiểm xã hội 7409335727 từ tháng 12/2009 đến tháng 9/2010 tại Công ty TNHH K1, bà H chưa nhận bảo hiểm xã hội một lần và bảo hiểm thất nghiệp.

Ngoài ra, bà H còn mã số bảo hiểm xã hội số 7411124133 tại Công ty cổ phần L, mã số 7413089025 tại Công ty TNHH A, mã số 7910334994 tại Công ty TNHH P và mã số 9422378706 tại công ty cổ phần C.

Quá trình tố tụng bà H xác định thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010 bản thân bà H không ký hợp đồng lao động và không làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn S mà thời gian này do bà Trần Thị H2 trực tiếp ký hợp đồng và vào làm việc với Công ty trách nhiệm hữu hạn S nhưng dưới tên của bà Trần Thị H. Trong thời gian 4/2010 đến tháng 9/2010, bà H ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty TNHH K. Bà H2 cũng thừa nhận trong thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010 người thực tế ký hợp đồng và làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S là Trần Thị H2 do bà mượn giấy chứng minh nhân dân và thông tin cá nhân của bà Trần Thị H để ký hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Như vậy, có căn cứ để xác định trong thời gian từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010, người trực tiếp ký hợp đồng lao động và vào làm việc tại Công ty trách nhiệm hữu hạn S là bà Trần Thị H2, không phải là bà Trần Thị H. Việc bà H2 sử dụng chứng minh nhân dân, thông tin của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty trách nhiệm hữu hạn S đã vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng,

hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994. Do đó việc bà Trần Thị H yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động Trần Thị H giao kết với Công ty trách nhiệm hữu hạn S vô hiệu là có căn cứ theo quy định tại 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005.

[3] Về hậu quả pháp lý của giao dịch dân sự vô hiệu: Nguyên đơn chỉ yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, ngoài ra không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì trong vụ án. Tòa án giải thích về hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền yêu cầu nhưng các đương sự không yêu cầu giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Đây là quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Tòa án không xem xét giải quyết về hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[6] Án phí lao động sơ thẩm: Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 5, 32, 35, 39, 147, 228, 229, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 127 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 50 và Điều 190 Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về việc tranh chấp về yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đối với Công ty trách nhiệm hữu hạn S.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa người lao động tên Trần Thị H và Công ty trách nhiệm hữu hạn S (thời gian làm việc từ tháng 4/2010 đến tháng 9/2010) là vô hiệu.

2. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Cơ quan Bảo hiểm xã hội có thẩm quyền thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với các đương sự theo quy định pháp luật.

3. Án phí lao động sơ thẩm: Bà Trần Thị H tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí lao động sơ thẩm, khấu trừ toàn bộ vào tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000512 ngày 23/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An.

4. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Bảo hiểm xã hội thành phố Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tố Anh